



N#ng

ALASKA S3

Giày b#o h# lao đ#ng b#ng da có lót #m

ALASKA là loại ủng bảo hộ bằng da đa năng có độ bám vượt trội, lớp lót ấm áp và cách nhiệt chống lạnh. Loại ủng này có khả năng bảo vệ chống tĩnh điện và mang lại nhiều sự thoải mái và được làm bằng vật liệu chống nước.

| | |
|----------------------------|---|
| Những vật liệu cao cấp hơn | Kéo lên kỹ thuật da |
| lớp lót bên trong | Teddy |
| giường đỡ chân | Teddy |
| để giữa | Thép |
| để ngoài | PU / PU |
| Đứng đầu | Thép |
| Loại | S3 / SRC, CI |
| Phạm vi kích thước | EU 38-47 / UK 5.0-12.0 / US 5.5-13.0 JPN 24-31 / KOR 250-310 |
| trọng lượng thép | 0.804 kg |
| tiêu chuẩn hóa | ASTM F2413:2018 EN ISO 20345:2011 |



BRN



S3

Giày bảo hộ lao động S3 thích hợp làm việc trong môi trường có độ ẩm cao và nơi có dầu hoặc hydrocacbon. Những đôi giày này cũng bảo vệ chống lại nguy cơ thủng đế và nghiền nát bàn chân.



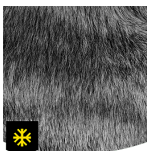
SRC

Đế chống trượt là một trong những tính năng quan trọng nhất của giày an toàn và giày bảo hộ lao động. Để chống trượt SRC vượt qua cả bài kiểm tra trượt SRA và SRB, chúng được kiểm tra trên cả bề mặt thép và gỗm.



Cách đi#n l#nh (CI)

Giày bảo hộ cách nhiệt (CI) giữ ấm cho đôi chân của bạn. Chúng được mặc trong môi trường lạnh.



lót #m

Giữ cho đôi chân của bạn ấm áp và khô ráo trong môi trường lạnh.



M#t trên ch#ng n##c (WRU)

Ngăn chặn sự xâm nhập của nước nếu không tiếp xúc lâu dài với một lượng lớn.



ch#ng tĩnh đi#n

Giày chống tĩnh điện ngăn chặn sự phát triển của điện tích tĩnh và đảm bảo rằng chúng được thải ra một cách hiệu quả. Điện trở âm lượng giữa 100 KiloOhm và 1 GigaOhm

Công nghiệp:

lĩnh vực ô tô, Hoá học, Xây dựng, Khai thác mỏ, Dầu khí, Ngành công nghiệp

Môi trường:

môi trường lạnh, môi trường bùn, Có tuyết và băng giá, bề mặt không bằng phẳng, môi trường ẩm ướt

Các đặc tính nổi bật:

Để kéo dài tuổi thọ cho đôi giày của bạn, chúng tôi khuyên bạn nên làm sạch chúng thường xuyên và bảo vệ chúng bằng các sản phẩm phù hợp. Không làm khô giày trên bộ tản nhiệt hoặc gần nguồn nhiệt.

| S# miêu tả | Đơn vị đo lường | Kết quả | EN ISO 20345 |
|---|---------------------------|-------------|--------------|
| Nhiệm vụ trọng tải cao | Kéo lên kết cấu da | | |
| Top: khả năng thấm hơi nước | mg/cm/giờ | 7.1 | ? 0.8 |
| Top: hệ số hơi nước | mg/cm ² | 64 | ? 15 |
| Íp lót bên trong | Teddy | | |
| Lớp lót: thấm hơi nước | mg/cm/giờ | 1206 | ? 2 |
| lót: hệ số hơi nước | mg/cm ² | 964.8 | ? 20 |
| giày chống trượt | Teddy | | |
| Đệm chân: chống mài mòn (khô/ướt) (chu kỳ) | chu kỳ | 25600/12800 | 25600/12800 |
| đế ngoài | PU / PU | | |
| Chống mài mòn đế ngoài (giảm thể tích) | mm | 85.1 | ? 150 |
| Chống trơn trượt của đế ngoài SRA: gót chân | ma sát | 0.40 | ? 0.28 |
| Chống trơn trượt của đế ngoài SRA: Phẳng | ma sát | 0.42 | ? 0.32 |
| Chống trơn trượt của đế ngoài SRB: gót chân | ma sát | 0.14 | ? 0.13 |
| Chống trơn trượt của đế ngoài SRB: phẳng | ma sát | 0.19 | ? 0.18 |
| Giá trị chống tĩnh điện | megaohm | 108.7 | 0.1 - 1000 |
| Giá trị ESD | megaohm | N/A | 0.1 - 100 |
| Hấp thụ năng lượng của gót chân | J | 30 | ? 20 |
| Đệm gót | Thép | | |
| Nắp mũi chống va đập (độ hở sau khi va chạm 100J) | mm | N/A | N/A |
| Nắp mũi chống nén (khe hở sau khi nén 10kN) | mm | N/A | N/A |
| Nắp mũi chống va đập (độ hở sau khi va chạm 200J) | mm | 15.0 | ? 14 |
| Nắp mũi chống nén (khe hở sau khi nén 15kN) | mm | 15.0 | ? 14 |

kích thước thép: 42

Giày của chúng tôi không ngừng phát triển, dữ liệu kỹ thuật trên có thể thay đổi. Tất cả tên sản phẩm và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sử dụng hoặc sao chép dưới bất kỳ định dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.